

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HS-ST  
Ngày: 24/8/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Bích Thơ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Liệt
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhân, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 24 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/HSST ngày 23/7/2020 đối với:

- *Bị cáo:* Bùi Văn Q, sinh ngày 06/01/2002, tại Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn C, sinh năm: 1965 và bà Dương Thị D, sinh năm: 1968; Vợ, con: Không; Bị cáo có 02 người chị, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Không, bị cáo đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 34 ngày 10/6/2020 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Thanh Bình và có mặt tại phiên tòa.

*- Người bị hại:*

1. Anh Trần Văn L, sinh năm: 1983;
2. Chị Nguyễn Thị Bích Tr, sinh năm: 1985;

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Tr ủy quyền cho anh L, theo Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2020.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Minh Nh, sinh năm: 1995.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo Q có mặt; Bị hại chị Tr, anh L vắng mặt có đơn xin vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nh vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 18/5/2020, tại nhà của anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Bích Tr, tọa lạc ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo Bùi Văn Q phát hiện nhà anh L có dựng một chiếc xe mô tô biển số 66L2 – 5228, nhãn hiệu KITAFU, màu đỏ dưới sân nhà, Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nêu trên.

Bị cáo Q đi bộ từ nhà Q đến nhà anh L, chị Tr, lợi dụng lúc anh L, chị Tr đã ngủ, không có người trông giữ tài sản, Q lén lút đi vào lấy trộm xe mô tô nêu trên, tháo gỡ dây điện ở ổ khóa rồi dẫn xe mô tô cách nhà anh L khoảng 10 mét Q đạp xe nổ máy chạy đến cất giấu phía sau căn nhà hoang cấp bên trường Tiểu học Tân Phú 1 rồi đi về nhà ngủ.

Đến khoảng 04 giờ 20 phút cùng ngày, anh L, chị Tr thức dậy phát hiện xe mô tô biển số 66L2 – 5228 bị mất trộm nên anh L trình báo đến Công an xã Tân Phú. Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 18/5/2020 Q đến lấy xe mô tô đã lấy trộm, cất giấu trước đó chạy đến xã P, huyện Cao Lãnh thấy có tiệm mua bán xe cũ tên Xuân Trãi thuộc ấp 1, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Q vào nhà gặp anh Phạm Minh Nh, sinh năm 1995, cư trú địa chỉ trên để bán xe, anh Nh hỏi “*có giấy tờ gì không*” Q trả lời “*do mất bóp nên giấy tờ xe mất hết*” và đưa ra giấy chứng minh nhân dân cho anh Nh xem, hai bên thống nhất thỏa thuận với giá 1.400.000 đồng.

Sau khi bán xe xong, Q đi xe Honda ôm về nhà, dùng số tiền bán xe trả cho 01 người bạn tên Tuấn, không rõ họ, địa chỉ, số tiền 1.000.000 đồng, còn lại 400.000 đồng Q tiêu xài cá nhân hết. Ngày 18/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình mời Bùi Văn Q làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐ ngày 21/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Bình, Kết luận: 01 xe mô tô biển số 66L2 - 5228, nhãn hiệu KITAFU, màu đỏ; số máy: FMH3-000719; số khung: 5A-000719; xe đã qua sử dụng, giá trị: 3.500.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 66L2 – 5228, nhãn hiệu KITAFU, màu đỏ, số máy: FMH3 – 000719, số khung: 5A000719, xe đã qua sử dụng, do ông Trần Văn L đứng tên giấy đăng ký xe. Hiện nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình đã trao trả xe mô tô nêu trên cho ông L xong.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn L đã nhận lại tài sản bị mất trộm 01 xe mô tô biển số 66L2 – 5228, nên không yêu cầu thêm về dân sự nhưng yêu cầu xử lý hành vi trộm cắp tài sản của Q theo quy định pháp luật.

Đối với Phạm Minh Nh không biết xe mô tô biển số 66L2-5228 do Bùi Văn Quý trộm cắp mà có và mua lại với giá 1.400.000đ, nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nh. Đồng thời, Phạm Minh Nh đã nhận lại số tiền 1.400.000 đồng do Q giao nộp khắc phục hậu quả xong.

Bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 22/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình đã truy tố bị cáo Bùi Văn Q về tội *Trộm cắp tài sản* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Q phạm tội Trộm cắp tài sản khoản 1 Điều 173, áp dụng điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Văn Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, nhưng cho hưởng án theo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Hình phạt bổ sung do bị cáo không có nghề nghiệp nên đề nghị miễn cho bị cáo. Về vật chứng: Đã giải quyết xong. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn Q trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Sau khi phạm tội bị cáo đã ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả, do bị cáo cần tiền trả nợ không dám xin cha mẹ nên có hành vi trộm tài sản nêu trên. Bị cáo trước đây có đi học sửa xe, hiện nay đã nghỉ và đi làm phụ hồ. Cha bị cáo làm ruộng, mẹ ở nhà chăn nuôi bò, cha của bị cáo được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng bằng khen đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc vào ngày 30/5/1986, nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo hứa sẽ cải tạo trở thành người tốt.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và Kết luận định giá tài sản.

Bị cáo Bùi Văn Q nói lời sau: Bị cáo rất ăn năn hối cải, xin cho bị cáo hưởng án treo do bị cáo là con trai một trong gia đình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của anh L, anh Nh là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 19/5/2020 và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa.

Đủ căn cứ kết luận: Khoảng 01 giờ, ngày 18/5/2020 bị cáo Bùi Văn Q đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 66L2 - 5228, nhãn hiệu KITAFU, màu đỏ; số máy: FMH3-000719; số khung: 5A-000719, xe đã qua sử dụng của anh L, chị Tr, giá trị tài sản là 3.500.000đ (*Ba triệu, năm trăm nghìn đồng*), để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Bùi Văn Q đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát huyện Thanh Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bị cáo Q có đủ năng lực hành vi và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra, do có lòng tham, lười lao động, để có tiền trả nợ và tiêu xài, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại.

Bị cáo Q lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút trộm cắp tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị hại, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự ở địa phương, gây hoang mang, nguy hiểm cho xã hội nên phải chịu trách nhiệm hình sự do mình gây ra.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo thấy rằng: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn, hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình đã gây ra, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã khắc phục hậu quả, giao trả tài sản chiếm đoạt cho bị hại. Về nhân thân, bị cáo không có tiền án, tiền sự, chấp hành đúng chính sách, pháp luật Nhà nước và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng. Cha

của bị cáo Q là ông Bùi Văn Cua được tặng Bằng khen đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc vào ngày 30/5/1986 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Xét thấy bị cáo Q có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Vì vậy, không cần thiết phải bắt bị cáo Q chấp hành hình phạt tù, bị cáo Q có khả năng tự cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội và việc cho bị cáo Q hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị trộm đã trả lại cho bị hại, khắc phục hậu quả trả lại tiền bán xe, cha bị cáo được tặng thưởng bằng khen như đã nêu trên, nên áp dụng điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo Q.

[6] Về phạt tiền: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo Q không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Bích Tr đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng: Đã giải quyết xong.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Bùi Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

[10] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Minh Nh không biết xe mô tô biển số 66L2-5228 do Bùi Văn Quý trộm cắp mà có và mua lại với giá 1.400.000đ, nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự về hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Anh Nh đã nhận lại số tiền 1.400.000 đồng do Q giao nộp khắc phục hậu quả xong, không yêu cầu bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát huyện phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Q đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/8/2020).

Giao bị cáo Bùi Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Bùi Văn Q cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Bùi Văn Q phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Bùi Văn Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Bùi Văn Q phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 24/8/2019). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CA huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã T, huyện Thanh Bình;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thị Bích Thơ**